

#SoKyHieuVanBan

#DiaDiemNgayBanHanh

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2022
của Sở GDĐT tỉnh Quảng Nam

Căn cứ Quyết định số 26/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh Quảng Nam Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Nam. *(Chi tiết theo biểu số 01 đính kèm)*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở GDĐT, hiệu trưởng các trường THPT, PTDTNT và Giám đốc Trung tâm GDTX tỉnh tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, VP (KHTC).

GIÁM ĐỐC

**DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO
VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2022**
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày / / 2022 của Sở GDĐT)



ĐVT: 1.000 đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trường THPT Lê Quý Đôn	Trường THPT Trần Cao Vân	Trường THPT Trần Quý Cáp	Trường THPT Sào Nam	Trường THPT Tiểu La	Trường THPT Huỳnh Ngọc Huệ	Trường THPT Hoàng Diệu
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí									
1	Số thu phí, lệ phí	32.667.000	32.667.000	990.500	1.038.700	1.210.800	907.000	749.600	836.000	730.100
1.1	Thu học phí công lập	27.017.000	27.017.000	990.500	1.038.700	1.210.800	907.000	749.600	836.000	730.100
1.2	Thu học phí nghề phổ thông	100.000	100.000							
1.3	Thu học phí bổ túc văn hóa	50.000	50.000							
1.4	Thu hoạt động sự nghiệp, dịch vụ khác	4.000.000	4.000.000							
1.5	Thu lệ phí tuyển sinh đại học	1.500.000	1.500.000							
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	32.667.000	32.667.000	990.500	1.038.700	1.210.800	907.000	749.600	836.000	730.100
2.1	Chi phục vụ giảng dạy từ nguồn thu học phí công lập	27.017.000	27.017.000	990.500	1.038.700	1.210.800	907.000	749.600	836.000	730.100
2.2	Chi phục vụ hoạt động dạy nghề phổ thông	100.000	100.000							
2.3	Chi phục vụ hoạt động dạy bổ túc văn hóa	50.000	50.000							
2.4	Chi phục vụ hoạt động thu sự nghiệp, dịch vụ	4.000.000	4.000.000							
2.5	Chi phục vụ tuyển sinh đại học	1.500.000	1.500.000							
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	654.896.000	517.576.975	11.062.900	10.809.400	8.243.600	9.753.400	10.066.400	8.757.100	9.393.200
1	Chi hoạt động QLHC nhà nước	7.823.000	7.823.000	0	0	0	0	0	0	0
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	7.441.000	7.441.000							
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	382.000	382.000							
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	647.073.000	509.753.975	11.062.900	10.809.400	8.243.600	9.753.400	10.066.400	8.757.100	9.393.200
2.1	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	647.073.000	509.753.975	11.062.900	10.809.400	8.243.600	9.753.400	10.066.400	8.757.100	9.393.200

Số TT	Nội dung	Trường THPT Lương Thế Vinh	Trường THPT Nguyễn Duy Hiệu	Trường THPT Cao Bá Quát	Trường THPT Núi Thành	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ	Trường THPT Quế Sơn	Trường THPT Nguyễn Thái Bình	Trường THPT Nguyễn Dục	Trường THPT Trần Văn Dư	Trường THPT Phạm Phú Thứ
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí										
1	Số thu phí, lệ phí	1.431.800	1.275.400	613.700	973.800	615.200	494.700	837.700	346.700	393.700	433.500
1.1	Thu học phí công lập	1.431.800	1.275.400	613.700	973.800	615.200	494.700	837.700	346.700	393.700	433.500
1.2	Thu học phí nghề phổ thông										
1.3	Thu học phí bổ túc văn hóa										
1.4	Thu hoạt động sự nghiệp, dịch vụ khác										
1.5	Thu lệ phí tuyển sinh đại học										
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	1.431.800	1.275.400	613.700	973.800	615.200	494.700	837.700	346.700	393.700	433.500
2.1	Chi phục vụ giảng dạy từ nguồn thu học phí công lập	1.431.800	1.275.400	613.700	973.800	615.200	494.700	837.700	346.700	393.700	433.500
2.2	Chi phục vụ hoạt động dạy nghề phổ thông										
2.3	Chi phục vụ hoạt động dạy bổ túc văn hóa										
2.4	Chi phục vụ hoạt động thu sự nghiệp, dịch vụ										
2.5	Chi phục vụ tuyển sinh đại học										
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	10.301.000	12.560.500	10.104.200	12.750.900	8.490.000	7.826.400	11.038.200	6.024.300	6.699.900	5.461.500
1	Chi hoạt động QLHC nhà nước	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	10.301.000	12.560.500	10.104.200	12.750.900	8.490.000	7.826.400	11.038.200	6.024.300	6.699.900	5.461.500
2.1	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	10.301.000	12.560.500	10.104.200	12.750.900	8.490.000	7.826.400	11.038.200	6.024.300	6.699.900	5.461.500

Số TT	Nội dung	Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển	Trường THPT Chu Văn An	Trường THPT Lê Hồng Phong	Trường THPT Lý Tự Trọng	Trường THPT Hiệp Đức	Trường THPT Nông Sơn	Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng	Trường THPT Phan Châu Trinh	Trường THPT Nam Giang	Trường THPT Khâm Đức
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí										
1	Số thu phí, lệ phí	798.300	226.600	464.500	267.200	175.000	122.600	195.300	178.400	90.900	199.200
1.1	Thu học phí công lập	798.300	226.600	464.500	267.200	175.000	122.600	195.300	178.400	90.900	199.200
1.2	Thu học phí nghề phổ thông										
1.3	Thu học phí bổ túc văn hóa										
1.4	Thu hoạt động sự nghiệp, dịch vụ khác										
1.5	Thu lệ phí tuyển sinh đại học										
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	798.300	226.600	464.500	267.200	175.000	122.600	195.300	178.400	90.900	199.200
2.1	Chi phục vụ giảng dạy từ nguồn thu học phí công lập	798.300	226.600	464.500	267.200	175.000	122.600	195.300	178.400	90.900	199.200
2.2	Chi phục vụ hoạt động dạy nghề phổ thông										
2.3	Chi phục vụ hoạt động dạy bổ túc văn hóa										
2.4	Chi phục vụ hoạt động thu sự nghiệp, dịch vụ										
2.5	Chi phục vụ tuyển sinh đại học										
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	10.166.700	10.209.100	6.687.700	6.162.700	8.955.300	6.167.100	9.709.000	8.542.800	6.302.000	8.716.300
1	Chi hoạt động QLHC nhà nước	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	10.166.700	10.209.100	6.687.700	6.162.700	8.955.300	6.167.100	9.709.000	8.542.800	6.302.000	8.716.300
2.1	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	10.166.700	10.209.100	6.687.700	6.162.700	8.955.300	6.167.100	9.709.000	8.542.800	6.302.000	8.716.300

Số TT	Nội dung	THPT Quang Trung	Trường THPT Bắc Trà My	Trường THPT Nam Trà My	Trường THPT Tây Giang	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	Trường THPT Trần Hưng Đạo	Trường THPT Âu Cơ	Trường THPT Trần Phú	Trường THPT Duy Tân	THPT Phan Bội Châu
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí										
1	Số thu phí, lệ phí	80.100	265.100	96.700	63.500	623.200	743.900	82.300	106.000	720.000	871.300
1.1	Thu học phí công lập	80.100	265.100	96.700	63.500	623.200	743.900	82.300	106.000	720.000	871.300
1.2	Thu học phí nghề phổ thông										
1.3	Thu học phí bổ túc văn hóa										
1.4	Thu hoạt động sự nghiệp, dịch vụ khác										
1.5	Thu lệ phí tuyển sinh đại học										
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	80.100	265.100	96.700	63.500	623.200	743.900	82.300	106.000	720.000	871.300
2.1	Chi phục vụ giảng dạy từ nguồn thu học phí công lập	80.100	265.100	96.700	63.500	623.200	743.900	82.300	106.000	720.000	871.300
2.2	Chi phục vụ hoạt động dạy nghề phổ thông										
2.3	Chi phục vụ hoạt động dạy bổ túc văn hóa										
2.4	Chi phục vụ hoạt động thu sự nghiệp, dịch vụ										
2.5	Chi phục vụ tuyển sinh đại học										
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	7.438.500	10.730.900	6.889.600	5.433.900	13.590.600	5.875.000	5.771.100	5.200.300	8.772.900	11.640.500
1	Chi hoạt động QLHC nhà nước	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	7.438.500	10.730.900	6.889.600	5.433.900	13.590.600	5.875.000	5.771.100	5.200.300	8.772.900	11.640.500
2.1	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	7.438.500	10.730.900	6.889.600	5.433.900	13.590.600	5.875.000	5.771.100	5.200.300	8.772.900	11.640.500

Số TT	Nội dung	Trường THPT Nguyễn Trãi	Trường THPT Lương Thúc Kỳ	Trường THPT Nguyễn Hiền	Trường THPT Nguyễn Khuyến	Trường THPT Nguyễn Huệ	THPT Trần Đại Nghĩa	Trường THPT Thái Phiên	Trường THPT Hùng Vương	Trường THPT Nguyễn Văn Trỗi	Trường THPT Lê Thánh Tông
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí										
1	Số thu phí, lệ phí	975.000	636.200	489.600	754.700	407.500	346.300	535.400	738.900	69.500	662.300
1.1	Thu học phí công lập	975.000	636.200	489.600	754.700	407.500	346.300	535.400	738.900	69.500	662.300
1.2	Thu học phí nghề phổ thông										
1.3	Thu học phí bổ túc văn hóa										
1.4	Thu hoạt động sự nghiệp, dịch vụ khác										
1.5	Thu lệ phí tuyển sinh đại học										
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	975.000	636.200	489.600	754.700	407.500	346.300	535.400	738.900	69.500	662.300
2.1	Chi phục vụ giảng dạy từ nguồn thu học phí công lập	975.000	636.200	489.600	754.700	407.500	346.300	535.400	738.900	69.500	662.300
2.2	Chi phục vụ hoạt động dạy nghề phổ thông										
2.3	Chi phục vụ hoạt động dạy bổ túc văn hóa										
2.4	Chi phục vụ hoạt động thu sự nghiệp, dịch vụ										
2.5	Chi phục vụ tuyển sinh đại học										
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	8.736.500	8.103.300	7.548.200	8.727.500	9.544.400	5.388.600	7.884.100	10.003.400	8.934.700	13.478.700
1	Chi hoạt động QLHC nhà nước	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ										
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ										
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	8.736.500	8.103.300	7.548.200	8.727.500	9.544.400	5.388.600	7.884.100	10.003.400	8.934.700	13.478.700
2.1	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	8.736.500	8.103.300	7.548.200	8.727.500	9.544.400	5.388.600	7.884.100	10.003.400	8.934.700	13.478.700

Số TT	Nội dung	Trường THPT Hồ Nghinh	Trường THPT Võ Chí Công	Trường THPT Võ Nguyên Giáp	Trường PT DTNT Tinh	Trường PT DTNT Nước Oa	Trường PTDTNT Nam Trà My	Trường PTDTNT Phước Sơn	Trung tâm GDTX tỉnh	Văn phòng Sở GDĐT
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí									
1	Số thu phí, lệ phí	669.800	49.900	432.900	0	0	0	0	4.150.000	1.500.000
1.1	Thu học phí công lập	669.800	49.900	432.900						
1.2	Thu học phí nghề phổ thông								100.000	
1.3	Thu học phí bổ túc văn hóa								50.000	
1.4	Thu hoạt động sự nghiệp, dịch vụ khác								4.000.000	
1.5	Thu lệ phí tuyển sinh đại học									1.500.000
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	669.800	49.900	432.900	0	0	0	0	4.150.000	1.500.000
2.1	Chi phục vụ giảng dạy từ nguồn thu học phí công lập	669.800	49.900	432.900						
2.2	Chi phục vụ hoạt động dạy nghề phổ thông								100.000	
2.3	Chi phục vụ hoạt động dạy bổ túc văn hóa								50.000	
2.4	Chi phục vụ hoạt động thu sự nghiệp, dịch vụ								4.000.000	
2.5	Chi phục vụ tuyển sinh đại học									1.500.000
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	8.395.200	4.938.900	6.242.400	15.834.200	12.658.500	10.409.300	11.263.500	0	37.180.675
1	Chi hoạt động QLHC nhà nước	0	0	0	0	0	0	0	0	7.823.000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ									7.441.000
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ									382.000
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	8.395.200	4.938.900	6.242.400	15.834.200	12.658.500	10.409.300	11.263.500	0	29.357.675
2.1	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	8.395.200	4.938.900	6.242.400	15.834.200	12.658.500	10.409.300	11.263.500		29.357.675